

VĂN HÓA - LỊCH SỬ

BA BÀI VĂN NGỰ CHẾ TRANG TRÍ TRÊN KIẾN TRÚC THỜI KHẢI ĐỊNH

Phan Thuận An*

Vua Khải Định tuy trị vì trong thời gian chỉ khoảng 10 năm (1916-1925) và thăng hà lúc mới 41 tuổi (1885-1925), nhưng đã để lại khá nhiều công trình kiến trúc mang phong cách mới lạ, kết hợp hài hòa hai nền mỹ thuật truyền thống và hiện đại, Đông Á và Tây Âu. Chẳng hạn như là Ứng Lăng, cung An Định, lầu Kiến Trung, lầu Thái Bình, cửa Hiền Nhơn, cửa Chương Đức... Chính khiếu thẩm mỹ (goût esthétique) của vị vua này đã thổi một luồng sinh khí mới vào lịch sử mỹ thuật Việt Nam nói chung, vào nghệ thuật kiến trúc cung đình Nguyễn ở Huế nói riêng.

Trang trí trên kiến trúc thời này cũng có nét tân kỳ riêng của nó. Ngoài phong cách trang trí truyền thống theo lối “nhất thi nhất họa” hoặc “nhất tự nhất họa”, thời Khải Định còn có một phương thức trang trí đặc biệt nữa là thể hiện chữ nghĩa bằng cách đắp nổi văn tự trực tiếp lên một vị trí thích hợp ở công trình kiến trúc.

Dưới đây, chúng tôi xin nêu ra một cách cụ thể ba bài văn Ngự chế của vua Khải Định được đắp nổi ở cung An Định (1920) và lầu Thái Bình (1921).

Hai bài văn ngự chế ở cung An Định



Mặt tiền Cung An Định nhìn từ sông An Cựu.

Ảnh Phan Thuận An.

nâng cấp và hiện đại hóa cung An Định không phải là để cho vua Khải Định ăn ở, vì ngay sau lễ đăng quang, nhà vua đã vào lưu trú cùng hoàng gia và sinh hoạt cùng triều thần ở hệ thống cung điện bên trong Tử Cấm thành và Hoàng thành Huế. Mục đích vua Khải Định xây dựng cung An Định là dùng làm cơ

Vua Khải Định tên thật là Nguyễn Phúc Bửu Đảo, sinh năm 1885. Năm 1902, khi lên 18 tuổi, ông hoàng này “xuất phủ” và có được một cơ ngơi riêng để ăn ở, bấy giờ gọi là phủ An Định (một ngôi nhà gỗ 3 gian 2 chái), nằm sát bên bờ bắc sông An Cựu. Sau khi lên ngôi vào năm 1916, vua Khải Định cho mở rộng khuôn viên, cải tạo kiến trúc và xây dựng thêm nhiều công trình mới bằng bê tông theo kiểu cách hiện đại. Từ An Định phủ 安定府, nó được đổi ra tên mới là An Định cung 安定宮. Mục đích của việc

* Thành phố Huế.

ngôi riêng cho con trai trưởng của mình là Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy. Hoàng tử Vĩnh Thụy đã ra đời tại phủ An Định vào năm 1913, rồi được sách phong làm Đông cung Hoàng Thái tử cũng chính tại cung An Định vào năm 1922.

Dù đang ngồi trên ngai vàng, vua Khải Định vẫn còn lo ngại những điều bất trắc sẽ có thể xảy ra trong việc truyền ngôi. Sự bất ổn trong việc kế thừa ngôi báu đã xảy ra liên tục trước đó. Suốt 33 năm sau cái chết của vua Tự Đức, kể từ 1883 đến 1916, đã có đến 8 vị vua bị thay nhau tôn phế (Dục Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc, Hàm Nghi, Đồng Khánh, Thành Thái, Duy Tân, Khải Định). Trong bối cảnh lịch sử đen tối “nhất giang lưỡng quốc” thời bấy giờ, một biến động chính trị dữ dội ở Nam triều như kiểu “tứ nguyệt tam vương” có thể diễn ra bất cứ lúc nào. Hình ảnh phế lập vương vị ở Huế trong những thập niên cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, như là một vấn đề thời sự, vẫn còn ám ảnh mãi trong tâm trí của vua Khải Định. Do đó, nhà vua phải “viễn lự” để tránh “cận ưu” bằng cách tậu cho con mình là Vĩnh Thụy một cơ ngơi để an cư, phòng trường hợp bất trắc xảy đến trong việc kế thừa ngôi báu. Cơ ngơi ấy do chính vua Khải Định bỏ tiền ra tạo dựng và ban tặng cho Hoàng trưởng tử Vĩnh Thụy để dùng làm của tư hữu (tài sản riêng). Ý định này đã được nhà vua nói rõ trong một tờ “sắc” ban hành vào tháng 8 năm Kỷ Mùi, tức là tháng 10/1919, và nhất là trong hai bài văn Ngự chế được đắp nổi để trang trí ở cung An Định.

Thực tế cho thấy lầu Khải Tường, một tòa nhà 3 tầng xây theo kiểu Pháp, là công trình kiến trúc quan trọng nhất trong khuôn viên cung An Định. Cho nên, trong sử sách của mình, các nhà bình bút cuối triều Nguyễn có khi xem lầu Khải Tường như là tổng thể cung An Định.

Trong tờ sắc vừa nêu có đoạn vua Khải Định viết rằng:

“Hồi trung hưng Trẫm làm hoàng tử ở mãi tại một biệt điện. Đến năm Nhâm Dần [1902] chiếu theo phủ lệ mới có cơ ngơi này [tức là phủ An Định]. Mùa hạ năm Bính Thìn [1916] đăng quang, tới năm Đinh Tỵ [1917] nhận tiền Thượng lộc mới nhân nên đó thuê thợ cho xây dựng, sang mùa đông năm Mậu Ngọ [1918] thì hoàn thành, vì nghĩ đó là nơi đất phát nên mới đặt tên là lầu Khải Tường, sắc sai mua đồ đạc để bày biện, toàn bộ đều không dùng vào tiền của nhà nước để tỏ rõ không phải là nhà của công. Nay ban lầu ấy cho Hoàng trưởng tử Vĩnh Thụy làm tài sản riêng vĩnh viễn để tỏ lòng ưu ái”.⁽¹⁾

Sau đó khoảng 8 tháng, cụ thể là vào ngày 16 tháng 4 năm Khải Định thứ 5, tức là ngày 04/5/1920, chính nhà vua lại viết thêm một bài văn khác, dài 336 chữ, với cùng nội dung như tờ sắc vừa trích dẫn, nhưng đề cập kỹ hơn về quá trình hình thành và mục đích của việc xây dựng tòa cung điện này. Bài văn Ngự chế đã được đắp nổi trên một bức bình phong bằng bê tông hình chữ nhật rộng 3,11m, cao 1,78m, dày 0,6m, gắn liền vào ban công ở mặt tiền tầng 3 của lầu Khải Tường. Ở bên trên bề cao ấy của thân bức bình phong, còn có thêm phần đầu và trán của nó cao tổng cộng hơn 1m nữa. Đầu, trán và các dải diềm của bức bình phong được trang trí cực kỳ tinh xảo bằng mảnh sành sứ đã sắc với nhiều đề tài khác nhau.

Sáu chữ 宮規總出御製 (Cung quy tổng xuất Ngự chế) được bố trí nằm ngang ở phần đầu của nó. Tất cả các chữ trong bài văn đều được viết dọc thành

25 dòng. Mỗi chữ đã được chế tác riêng bằng đất sét nung kỹ, rồi mới gắn vào từng vị trí thích hợp ở bức bình phong. Đây là một loại hình thủ công mỹ nghệ có giá trị đặc biệt.

Dưới đây xin ghi lại toàn văn tài liệu Ngự chế ấy từ thực địa.⁽²⁾

宮規總出御製
御製安定宮引

安定宮朕之潛邸也。朕藩辰自號安定營第于此。癸丑秋誕皇長子。丙辰夏晉光。特念發祥地。出祿幣改建樓。戊午春成。命改邸爲宮。因以故號名其宮而名其樓曰啟祥。凡樓中所有金銀珠玉及一切器皿物用均出朕祿幣購造。其他各所皆然。乃預爲他日伊皇長子長成賜爲私有或伊既得位祿而轉與兄弟及其子孫之私有。故不敢臺有費及國家公財民力者良以此也。夫既爲天子則府庫財皆其財也。又何必私營私積效商之祿臺唐之瓊林以爲後人口頭調議爲哉。惟值今文明辰代國家財用自有銀冊。君有俸仕有祿各以私需非若晨辰億兆人之奉者。此故歐洲各國之君營建樓臺私其財用者百倍于此。則朕之私于此亦未嘗過。況念朕春秋鼎盛皇子冲齡。天道難窺人事必備。聊爲他日皇長子之未能如朕者先其慮耳。及命鐫刻于匾置在安定宮併命謹信列編樓中一切所有于冊以爲留炤。

辰啟定庚申年仲秋。

Phiên âm

Cung quy tổng xuất Ngự chế Ngự chế An Định Cung dẫn

An Định cung, Trẫm chi tiềm để dã. Trẫm phiên thời tự hiệu An Định, doanh đệ vu thử. Quý Sửu thu, dẫn Hoàng trưởng tử.

Bính Thìn hạ, tấn quang, đặc niệm phát tường địa, xuất lộc tề cải kiến lâu. Mậu Ngọ xuân thành, mạng cải để vi cung. Nhân dĩ cố hiệu danh kỳ cung nhi danh kỳ lâu viết Khải Tường.

Phàm lâu trung sở hữu kim ngân châu ngọc cập nhất thiết khí mãnh vật dụng quân xuất Trẫm lộc tề cấu tạo. Kỳ tha các sở giai nhiên.

Nãi dự vi tha nhật, y Hoàng trưởng tử trưởng thành, tứ vi tư hữu, hoặc y ký đắc vị lộc nhi chuyển dữ huynh đệ cập kỳ tử tôn chi tư hữu.

Cố bất cảm đài hữu phí cập quốc gia công tài dân lực giả, lương dĩ thử dã. Phù ký vi thiên tử tắc phủ khổ tài giai kỳ tài dã, hựu hà tất tư doanh tư tích, hiệu Thương chi Lộc Đài, Đường chi Quỳnh Lâm dĩ vi hậu nhân khẩu đầu điều nghị vi tai.

Duy trị kim văn minh thời đại, quốc gia tài dụng tự hữu ngân sách. Quân hữu bổng, sĩ hữu lộc, các dĩ tư nhu, phi nhược thần thời ức triệu nhân chi phụng giả. Tỷ cố Âu châu các quốc chi quân doanh kiến lâu đài, tư kỳ tài dụng giả bách bội vu thử. Tắc Trẫm chi tư vu thử diệc vị thường quá.

Hướng niệm Trẫm xuân thu đỉnh thịnh, hoàng tử xung linh. Thiên đạo nan khuy, nhân sự tất bị. Liêu vị tha nhật, Hoàng trưởng tử chi vị năng như Trẫm giả, tiên kỳ lự nhĩ.

Nãi mạng thuyền khắc vu biển, trí tại An Định cung, tịnh mạng Cẩn Tín liệt biên lâu trung nhất thiết sở hữu vu sách dĩ vi lưu chiếu.

Thời, Khải Định Canh Thân niên trọng thu.

*Dịch nghĩa***Bài văn vua viết về việc xuất tiền để xây cung
Lời dẫn về cung An Định do vua làm**

Cung An Định là tiền đề của Trẫm. Khi chưa lên ngôi, Trẫm tự lấy hiệu là An Định, xây phủ ở đây. Mùa thu năm Quý Sửu [1913], sinh ra Hoàng trưởng tử [Vĩnh Thụy].

Mùa hạ năm Bính Thìn [1916], Trẫm lên ngôi, riêng nghĩ đây là đất phát diêm lành, bèn xuất tiền lương ra để cải tạo phủ thành nhà lầu. Đến mùa xuân năm Mậu Ngọ [1918] thì hoàn thành, đổi phủ làm cung. Nhân lấy tên phủ cũ để gọi tên cung mà đặt tên lầu là Khải Tường.

Tất cả những đồ vàng bạc châu ngọc và mọi thứ khí mẫn vật dụng trong tòa nhà lầu này đều dùng tiền lương của Trẫm để mua sắm cả. Các nhà cửa khác trong cung cũng vậy.

Ấy là để một ngày kia, khi Hoàng trưởng tử [Vĩnh Thụy] trưởng thành thì ban cho để làm của tư hữu. Nếu như Hoàng trưởng tử lên ngôi thì chuyển tặng cho anh em và con cháu làm tư hữu.

Cho nên, không dám làm phí tổn đến của công của nhà nước và sức lực của dân chúng, tốt hơn hết là như thế. Phàm đã là thiên tử thì của cải trong kho trong phủ đều là của cải của thiên tử cả, hà tất phải xây riêng chứa riêng, bắt chước Lộc Đài nhà Thương⁽³⁾ và Quỳnh Lâm nhà Đường⁽⁴⁾ để cho người đời sau bình phẩm chê cười.

Vả lại, ngày nay là thời đại văn minh, tất cả của cải vật dụng của nhà nước đều có ngân sách. Vua và quan đều có lương tiền để đáp ứng nhu cầu riêng của mỗi người, không phải như ngày xưa là được ức triệu người cung phụng. So với vua chúa các nước ở châu Âu ngày xưa, việc họ cho xây dựng lâu đài và lấy tài sản vật dụng làm của riêng còn gấp trăm lần ở đây. Thế thì tài sản riêng của Trẫm ở đây cũng chưa có gì là quá đáng.

Hướng chi nghĩ rằng tuổi tác của Trẫm đã cao mà Hoàng tử thì còn nhỏ. Đạo trời khó thấy trước, việc người phải phòng xa. Sợ một ngày kia, Hoàng trưởng tử không được như Trẫm, nên phải lo trước đó thôi.

Bèn bảo khắc chạm [bài này] vào bia, đặt tại cung An Định, và bảo ty Cẩn Tín⁽⁵⁾ ghi chép vào sổ sách tất cả những gì có ở trong tòa nhà lầu này để lưu chiếu về sau.

Tháng 8 năm Canh Thân niên hiệu Khải Định [tháng 9/1920].⁽⁶⁾

Ở đầu và cuối bài văn Ngự chế, có đến 3 khuôn dấu được đắp nổi. Tại cuối dòng chữ nhan đề 御製安定宮引 (Ngự chế An Định Cung dẫn) là mặt dấu ấn hình chữ nhật cao 10cm, rộng 9cm, bên trong có 4 chữ 啟定宸翰 (Khải Định thần hàn) viết theo lối chữ lệ.

Rồi ở cuối bài văn Ngự chế, ngay sau dòng chữ đề thời điểm 辰啟定庚申年仲秋 (Thời Khải Định Canh Thân niên trọng thu), còn có hai khuôn dấu khác nữa. Dấu ấn thứ nhất hình vuông, khung viền chung quanh mỗi bề 17cm, bên



Trán bia đắp nổi 6 chữ "Cung qui tổng xuất ngự chế".



Tấm bia ở tầng 2 lầu Khải Tường.



Hai dấu ấn ở cuối bài văn ngự chế:
- Hình vuông: "Khải Định thần hàn".
- Hình thuẫn: "Hàn mặc chi bảo".



Phần cuối của bài văn ngự chế đắp nổi ở ban công tầng 1 của lầu Khải Tường

trong cũng là 4 chữ 啟定宸翰 (Khải Định thần hàn), nhưng viết theo lối chữ triện. Dấu ấn thứ hai là dấu kiềm hình thuẫn, cao 10cm, rộng 9cm, bên trong có 4 chữ 翰墨之寶 (Hàn mặc chi bảo), viết theo lối chữ chân.

Ngoài bài văn Ngự chế vừa được dẫn dịch ở trên, tại cung An Định còn có một bài văn Ngự chế thứ hai nữa. Bài này ngắn hơn, gồm khoảng 130 chữ, được đắp nổi thành một dải chạy quanh 3 mặt ở ban công tầng 1 trước sảnh chính của lầu Khải Tường. Nội dung của nó có thể xem như là bản rút gọn từ bài kia nhưng được nhà vua "Ngự chế" sớm hơn, vào mùa đông năm Mậu Ngọ (ăn từ ngày 04/11/1918 đến ngày 31/01/1919). Trong đó, có đoạn viết:

壬寅炤出府例基此° 丙辰夏進光° 丁巳秋發尚祿幣因基雇工改構° 戊午冬成° 念發祥
基地命名啟祥樓° 勅買器用陳設° 一切不動國幣示非公作也° 其賜皇長子永瑞永爲私有...
啟定戊午冬

Phiên âm

Nhâm Dần chiếu xuất phủ lệ cơ thử. Bính Thìn hạ tấn quang. Đinh Tỵ thu phát thượng lộc tệ, nhân cơ cố công cải cấu. Mậu Ngọ đông thành. Niệm phát tường cơ địa, mạng danh Khải Tường lâu.

Sắc mãi khí dụng trần thiết, nhất thiết bất động quốc tệ, thị phi công tác dã. Kỳ tứ Hoàng trưởng tử Vĩnh Thụy vĩnh vi tư hữu...

Khải Định Mậu Ngọ đông

Dịch nghĩa

Năm Nhâm Dần [1902], theo lệ xuất phủ, Trẫm xây dựng phủ [An Định] tại đây. Mùa hạ năm Bính Thìn [1916], Trẫm lên ngôi. Mùa thu năm Đinh Tỵ [1917], xuất tiền lương thuê thợ cải tạo [phủ cũ]. Đến mùa đông năm Mậu Ngọ [1918] thì hoàn thành. Trẫm nghĩ rằng đây là chỗ đất phát điềm lành, cho nên đặt tên là lâu Khải Tường.

Trẫm sai mua đồ đạc để trang hoàng và bày biện. Tất cả đều không dùng đến tiền của nhà nước, vì đây không phải là việc công. Nay ban tặng tòa nhà lâu ấy cho Hoàng trưởng tử Vĩnh Thụy để làm tài sản riêng mãi mãi...

Mùa đông năm Mậu Ngọ niên hiệu Khải Định [1918]

Đọc các bài văn Ngự chế trên đây, chúng ta thấy tác giả của chúng đã nhấn mạnh đến hai nội dung quan trọng nhất. Một là lai lịch của cung An Định, đặc biệt là của lâu Khải Tường. Hai là vua Khải Định đã bỏ tiền riêng của mình ra xây dựng tòa cung điện này để tặng cho con trai trưởng là Vĩnh Thụy dùng làm tài sản tư hữu truyền tử lưu tôn. Đó là những thông điệp cụ thể mang tính lịch sử và pháp lý của một thời...

Bài văn ngự chế ở lâu Thái Bình

Nếu cung An Định tọa lạc biệt lập bên ngoài Kinh thành, cách bờ nam Sông Hương hơn 1km theo đường chim bay, thì lâu Thái Bình nằm ngay bên trong Tử Cấm thành, nơi Hoàng gia ăn ở và làm việc. Lâu Thái Bình là một trong vài công trình kiến trúc may mắn còn sót lại trong phạm vi Hoàng cung sau vụ Tiêu thổ kháng chiến ở Huế vào tháng 02/1947.

Với đợt trùng tu gần đây nhất vừa được hoàn tất vào đầu năm 2015, lâu Thái Bình trở thành điểm tham quan hấp dẫn nhất trong Tử Cấm thành hiện nay.

Lâu Thái Bình là một tòa nhà hai tầng bằng gỗ cao 9,55m, nằm giữa một khuôn viên hình chữ nhật dài 58m, rộng 32m, quay mặt về phía đông. Tầng dưới 3 gian 2 chái, tầng trên chỉ có 1 gian 2 chái. Bốn cột cái bằng gỗ dựng ở nền gian giữa tầng dưới chạy xuyên qua trần, lên thẳng đến tầng trên để đỡ 2 vì nóc.

Nhìn chung, đây là một công trình kiến trúc xinh xắn nằm sát bên bờ hồ Ngọc Dịch thơ mộng. Nhưng, giá trị cao nhất của nó là nghệ thuật trang trí các đề tài cổ điển phương Đông ở ngoại thất của cả hai tầng mái. Tất cả các đầu hồi, bờ nóc, bờ quyết và nhất là mặt trước tiền sảnh đều được trang trí một

cách phong phú và tinh xảo bằng nghệ thuật ghép mảnh sành sứ nhiều màu đạt đến đỉnh cao dưới thời Khải Định.

Ở đây, chúng tôi chỉ quan tâm đặc biệt đến bức hoành phi hình cuốn thư nằm giữa mặt trước tiền sảnh. Nó được bố trí một cách mềm mại thành 3 ô:

Ô giữa đắp nổi 3 đại tự 太平樓 (Thái Bình lâu) là tên của công trình kiến trúc, với 2 lạc khoản ở 2 bên. Bên phải là 2 chữ 御製 (Ngự chế). Bên trái là 7 chữ 啟定辛酉年秋日 (Khải Định Tân Dậu niên thu nhật: Một ngày mùa thu năm Tân Dậu niên hiệu Khải Định, tức là năm 1921).

Hai ô hai bên dành để đắp nổi bài văn Ngự chế gồm 149 chữ. Nguyên văn như sau:

太平御覽書樓奉朕先帝之命營建也。其樓在御河之北。於維新年間徹去。朕即政之第四年覽其址而思其功。欲再修造。以舊基向北且熾地窄。乃因清暇書樓在養心殿之前。這樓奉憲祖章皇帝命營建也。成泰年間徹去。現存遺基。命工部臣遵依御製規式再建樓焉。辛酉秋成。追奉先帝命名樓者顏其樓曰太平樓。以爲幾暇之所。且亦表繼述之一端云耳。

啟定辛酉年秋吉旦御題。

Phiên âm

Thái Bình Ngự Lãm Thư Lâu, phụng Trẫm tiên đế chi mạng doanh kiến dã. Kỳ lâu tại Ngự Hà chi bắc. Ứ Duy Tân niên gian triệt khứ.

Trẫm tức chính chi đệ tứ niên, lăm kỳ chỉ nhi tư kỳ công. Dục tái tu tạo. Dĩ cụ cơ hướng bắc thả yển địa trách. Nãi nhân Thanh Hạ Thư Lâu tại Dưỡng Tâm điện chi tiền, giá lâu phụng Hiến Tổ Chương Hoàng Đế mạng doanh kiến dã, Thành Thái niên gian triệt khứ, hiện tồn di cơ. Mạng Công Bộ thần tuân y Ngự chế quy thức, tái kiến lâu yển.

Tân Dậu thu thành. Truy phụng tiên đế mạng danh lâu giả, nhan kỳ lâu viết Thái Bình lâu, dĩ vi cơ hạ chi sở, thả diệp biểu kế thuật chi nhất đoạn văn nhĩ.

Khải Định Tân Dậu niên thu cát đán Ngự đề.

Dịch nghĩa

Thái Bình Ngự Lãm Thư Lâu là tòa nhà do tiên đế của Trẫm [tức vua Đồng Khánh] cho xây dựng.⁽⁷⁾ Tòa nhà bấy giờ tọa lạc tại bờ bắc của Ngự Hà [tức là dòng nước nối với hồ Ngọc Dịch]. Nó bị triệt bỏ vào thời Duy Tân.

Vào năm thứ tư [1919] kể từ khi Trẫm lên ngôi [1916], nhìn thấy nền móng của nó mà nghĩ đến công lao của Người. Trẫm muốn xây dựng lại. Nhưng khu đất ở nền cũ lại hướng lên phía bắc, tuy đẹp nhưng chật hẹp. Cho nên, nhận thấy ở khu đất trước mặt điện Dưỡng Tâm, hồi xưa Hiến Tổ Chương Hoàng Đế [tức vua Thiệu Trị] có cho xây Thanh Hạ Thư lâu, đến thời Thành Thái thì triệt bỏ, hiện nay vẫn còn nền cũ, bèn hạ lệnh cho các quan ở Bộ Công tuân theo quy thức như trước kia để xây dựng lại tòa nhà lầu tại chỗ đó.

Đến mùa thu năm Tân Dậu [1921] thì hoàn thành.⁽⁸⁾ Kính nương theo cái tên mà tiên đế đã đặt cho tòa nhà lầu ngày xưa, nay đặt tên cho tòa nhà này



Mặt tiền tổng thể Thái Bình Lâu.

Bức hoành phi hình cuốn thư ở mặt tiền Thái Bình Lâu.



Ở bên trái của bức hoành phi: Kết thúc bài văn ngự chế bằng 2 chữ "Ngự đề".

Ở bên phải của bức hoành phi: Mở đầu bài văn ngự chế bằng dòng chữ "Thái Bình Ngự Lâm Thư Lâu".

là Thái Bình lâu, dùng làm chỗ nghỉ ngơi lúc rảnh việc,⁽⁹⁾ và cũng để biểu lộ sự nổi chí tiền nhân.⁽¹⁰⁾

Ngự đề vào một buổi sáng ngày tốt, mùa thu năm Tân Dậu [1921] niên hiệu Khải Định.

Thơ văn chạm khắc trên mặt gỗ hoặc đúc nổi trên những tấm pháp lam dùng để trang trí ở các cung điện tại kinh đô Huế là một hiện tượng mỹ thuật đặc biệt trong lịch sử mỹ thuật Việt Nam. Hiện tượng này được xem là tương đối phổ biến dưới triều đại nhà Nguyễn (1802-1945). Nhưng, riêng trong thời Khải Định (1916-1925), còn có thêm một loại hình trang trí đặc thù khác nữa. Đó là đắp nổi toàn văn những bài Ngự chế lên trên các công trình kiến trúc như chúng tôi vừa giới thiệu trên đây. Loại hình trang trí này không hề thấy thể hiện dưới thời 12 vị vua khác của triều Nguyễn. Có thể nói mỗi khung hình trang trí văn Ngự chế (nhất là tấm bình phong ở cung An Định và bức hoành phi ở lầu Thái Bình), với chữ nghĩa và hoa văn đắp nổi, là một tác phẩm thủ công mỹ nghệ tuyệt vời, đóng góp thêm một giá trị văn hóa nghệ thuật nữa cho cố đô Huế.

P T A

CHÚ THÍCH

- (1) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đồng Khánh, Khải Định chính yếu*, bản dịch của Nguyễn Văn Nguyên, Nxb Thời đại-Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2010, tr. 267. Tham khảo thêm nội dung “Sắc ban cung An Định cho Hoàng trưởng tử”, Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục Chính biên Đệ thất kỷ*, bản dịch của Cao Tự Thanh, Nxb Văn hóa-Văn nghệ, TP Hồ Chí Minh, 2012, tr. 289.
- (2) Vì tẩm bình phong đứng lộ thiên trong gần 100 năm qua, cho nên mưa gió đã làm bong tróc một ít hoa văn trang trí, làm mất hẳn 3 chữ và một nửa của 3 chữ khác. Trong dịp ghi chép này, chúng tôi dựa vào một vài tài liệu lịch sử để cố gắng phục hồi toàn bộ bài văn Ngự chế.
- (3) Lộc Đài nhà Thương: Lộc Đài là tên một vườn thượng uyển ở Hà Nam (Trung Quốc), tương truyền do vua Trụ nhà Thương cho xây dựng để vui chơi, bị người đời sau lên án là xa xỉ.
- (4) Quỳnh Lâm nhà Đường: Quỳnh Lâm là tên một trong hai phủ khố ở hành tại Phụng Thiên (Trung Quốc) do vua Đường Đức Tông cho xây dựng để cất giữ của riêng, bị người đời sau chê bai là ích kỷ.
- (5) Cẩn Tín: tức là Cẩn Tín ty, một đơn vị thuộc Thị Vệ Xứ, chuyên trách việc ghi chép vào sổ sách những đồ ngự dụng thuộc Hoàng gia.
- (6) Có tham khảo bản dịch của Nguyễn Văn Nguyên (*Đồng Khánh, Khải Định chính yếu*), đã dẫn, tr. 267-269; và bản dịch của Cao Tự Thanh (*Đại Nam thực lục Chính biên Đệ thất kỷ*), đã dẫn, tr. 290-292.
- (7) “Thái Bình Ngự Lãm Thư Lâu” được xây dựng xong vào tháng 12 năm Đồng Khánh thứ 3, tức là tháng 01/1889. Xem *Đồng Khánh, Khải Định chính yếu*, đã dẫn, tr. 144-145.
- (8) Tham khảo thêm *Đại Nam thực lục Chính biên Đệ thất kỷ*, bản dịch đã dẫn, tr. 335.
- (9) Dịch từ 4 chữ “cơ hạ chi sở” trong nguyên văn. Cơ là sự việc khi mới bắt đầu nảy sinh. Hạ là lúc nhàn rỗi, vô sự. Cơ hạ được nói tắt từ 4 chữ “vạn cơ thanh hạ”. “Vạn cơ” là vạn việc, rất nhiều công việc. “Thanh hạ” là thanh nhàn, rảnh rỗi. Như vậy, “cơ hạ” là lúc rảnh việc. Từ này chỉ được dùng cho các bậc đế vương (Trong Hoàng thành Huế có một vườn ngự được thiết lập chính thức vào đầu thời Thiệu Trị mang tên là vườn Cơ Hạ).
- (10) Tham khảo thêm bản dịch của Nguyễn Văn Nguyên (*Đồng Khánh, Khải Định chính yếu*), đã dẫn, tr. 233.

TÓM TẮT

Thơ văn chạm khắc trên mặt gỗ hoặc đúc nổi trên những tấm pháp lam dùng để trang trí ở các cung điện, lăng tẩm tại kinh đô Huế là một phong cách trang trí đặc sắc trong lịch sử mỹ thuật Việt Nam. Phong cách này được sử dụng khá phổ biến dưới triều đại nhà Nguyễn (1802-1945). Riêng dưới thời vua Khải Định (1916-1925), ngoài phong cách trang trí truyền thống theo lối “nhất thi nhất họa” hoặc “nhất tự nhất họa” còn có thêm một loại hình trang trí khác là đắp nổi các bài văn Ngự chế trên các công trình kiến trúc. Có thể nói mỗi khung hình trang trí văn Ngự chế (nhất là tẩm bình phong ở cung An Định và bức hoành phi ở lầu Thái Bình), với chữ nghĩa và hoa văn đắp nổi, là một tác phẩm thủ công mỹ nghệ tuyệt vời, đóng góp thêm một giá trị văn hóa nghệ thuật nữa cho cố đô Huế.

ABSTRACT

THREE PROSE DECORATED ON ARCHITECTURAL WORKS UNDER THE REIGN OF EMPEROR KHẢI ĐỊNH

Poetry and prose carved on wood or cast on enamelled copper panels for decoration in the palaces and tombs in Huế are a unique decorative style in the Vietnamese history of arts. This style was commonly used under the Nguyễn Dynasty (1802-1945). Especially, under the reign of Emperor Khải Định (1916-1925), in addition to traditional decorative style of “one painting, one poem” or “one painting, one word”, there was also another type of decoration, which was the embossment of prose composed by the Nguyễn Emperors on structural works. It can be said that every embossed work decorated with prose composed by the Nguyễn Emperors (especially, the screen in An Định Palace and the horizontal lacquered board in Thái Bình Pavilion) is an excellent handicraft masterpiece, a valuable contribution of arts and culture to the ancient capital of Huế.